

Số: 258/2026/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Trọng Quân.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 318/2026/VLĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 248/2026/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; nơi thường trú: thôn TS, xã HS, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên lạc: số X, khu phố B, phường TG, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Cao Xuân T, sinh năm 1993; nơi thường trú: thôn TN, xã ST, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: tổ Q, khu phố TL, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH KVF; địa chỉ: số Z, VSIP Đường số M, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường Nguyễn V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- ***Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn K trình bày:***

Ông Nguyễn Văn K có nhu cầu rút bảo hiểm nên có liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh để rút bảo hiểm. Tại đây, ông K được Bảo hiểm xã hội cơ sở L thông báo thời điểm từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010 ông Nguyễn Văn K có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH KVF (Gọi tắt

là Công ty KVF) nên Công ty KVF có thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho ông vào thời gian trên.

Tuy nhiên, vào thời gian nêu trên ông Nguyễn Văn K đang làm việc cho Công ty TNHH TKT Việt Nam với số Bảo hiểm xã hội là YYYYYYYY nên không thể cùng một khoảng thời gian mà ông Nguyễn Văn K lại đóng bảo hiểm tại hai công ty. Vào thời gian nêu trên, ông Cao Xuân T chưa đủ tuổi lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn K để thực hiện ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty KVF với tên Nguyễn Văn K. Hợp đồng lao động Công ty KVF đã thu lại nên ông Nguyễn Văn K không thể cung cấp cho Tòa án được.

Nay ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Văn K (do ông Cao Xuân T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH KVF vô hiệu toàn bộ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân T trình bày:

Vào khoảng từ tháng 5 năm 2010 ông Cao Xuân T có mượn giấy chứng minh nhân dân tên ông Nguyễn Văn K, để ký hợp đồng lao động với Công ty KVF và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của ông Nguyễn Văn K từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010, nhưng trên thực tế ông Cao Xuân T là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty KVF, do thời điểm nêu trên do ông Cao Xuân T chưa đủ tuổi lao động nên mới mượn hồ sơ xin việc của ông Nguyễn Văn K để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty KVF. Do quá lâu, hợp đồng lao động đã thất lạc nên ông Cao Xuân T không thể cung cấp cho Tòa án được.

Đến khoảng từ tháng 12 năm 2010 thì ông Cao Xuân T đã nghỉ việc tại Công ty KVF và chưa liên hệ với Bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ bảo hiểm khi còn làm việc tại Công ty KVF. Khi ông Nguyễn Văn K đi làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần nên có liên hệ với Bảo hiểm xã hội thì được thông báo bị trùng thông tin tham gia bảo hiểm xã hội. Lúc này ông Cao Xuân T mới biết việc mượn hồ sơ người khác đi giao kết hợp đồng lao động là sai, trái với quy định pháp luật.

Nay ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Văn K (do ông Cao Xuân T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH KVF vô hiệu toàn bộ ông Cao Xuân T đồng ý và không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH KVF đã được Tòa án thông báo nội dung yêu cầu và tổng đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Ngày 24/6/2026, Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã có công văn số 2296/BHXXH-QLT xác nhận thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp, với mức lương cụ thể, tình trạng chốt/bảo lưu sổ, thông tin hưởng/chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, theo thông tin của ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/9/1987; CCCD số 042087018789 làm căn cứ để người lao động bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của các bên liên quan. Trong đó thể hiện thời gian tham gia bị trùng 08 tháng từ tháng 5/2010 đến 12/2010 giữa Công ty TNHH KVF (mã số XXXXX) và Công ty TNHH TKT Việt Nam (mã số YYYYYYYY).

Đối với hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội có liên quan (hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân) của ông Nguyễn Văn K, Bảo hiểm xã hội cơ sở L không lưu giữ hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm xã hội và giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Văn K.

Trong trường hợp được Tòa án nhân dân khu vực 16 – thành phố Hồ Chí Minh xác định là bên có quyền và nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội cơ sở L đề nghị được giải quyết vắng mặt toàn bộ trong suốt quá trình tố tụng giải quyết việc dân sự trên.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn K là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu Ông Nguyễn Văn K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân T; Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH KVF vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 12/2010, người lao động tên Nguyễn Văn K giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH KVF và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là XXXXX. Tuy nhiên, ông K và ông T cùng thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc với Công ty TNHH KVF trong khoảng thời gian nêu trên là ông Cao Xuân T (do ông T mượn giấy chứng minh nhân dân tên ông Nguyễn Văn K để giao kết hợp đồng lao động).

[2.2] Xét thấy, lời trình bày của ông K và ông T là thống nhất với nhau và phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 12/2010, ông K đang làm việc tại Công ty TNHH TKT Việt Nam và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số YYYYYYYY; không thể trong cùng một thời gian lại đóng bảo hiểm xã hội với hai mã số khác nhau, tại hai công ty khác nhau. Như vậy, có căn cứ xác định chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH KVF trong khoảng thời gian tháng 5/2010 đến tháng 12/2010 không phải ông Nguyễn Văn K.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”; theo khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người*

ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì: “...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc ông Cao Xuân T mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn K để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là XXXXX vào tháng 5/2010 đến tháng 12/2010 tại Công ty TNHH KVF là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa người có tên Nguyễn Văn K với Công ty TNHH KVF theo sổ bảo hiểm xã hội số XXXXX bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K và ý kiến của ông T về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH KVF trong giai đoạn từ tháng 5/2010 đến tháng 12/2010 là ông Cao Xuân T, không phải là ông Nguyễn Văn K. Ông Cao Xuân T và ông Nguyễn Văn K có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại bảo hiểm xã hội cho đúng với người thực hiện bảo hiểm xã hội.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994;

- Khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Nguyễn Văn K.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Văn K với Công ty TNHH KVF (theo sổ bảo hiểm xã hội số XXXXX) bị vô hiệu toàn bộ.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số XXXXX không phải là ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/9/1987, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 042087018789. Ông Nguyễn Văn K và ông Cao Xuân T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001476 ngày 07/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 16 – TP. HCM;
- Phòng THADS KV 16 – TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Trọng Quân